

CON ĐƯỜNG QUI NGUYÊN PHẢN BẢN THEO NHO GIÁO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Hôm nay tôi rất vinh hạnh được trình bày cùng quý vị đề tài: QUI NGUYÊN PHẢN BẢN THEO NHO GIÁO.

Được làm công việc này để tấu khúc hoà ca cùng quý vị đại diện cho nhiều tôn giáo có mặt nơi đây, và cũng là để đóng góp trong muôn một vào công trình chung, đi tìm một chân lý đại đồng, tôi rất hứng khởi và liên tưởng đến mấy lời đức Khổng xưa đã nói trong Hệ từ hạ (chương 5).

Thiên hạ hà tư hà lự	天下何思何慮
Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ	天下同歸而殊途
Nhất trí, nhi bách lự	一致而百慮
Thiên hạ hà tư hà lự !	天下何思何慮

Tạm dịch:

Dạy rằng: muôn sự trên đời
Cần chi lo nghĩ rồi bởi mà chi
Muôn đường nhưng vẫn đồng qui

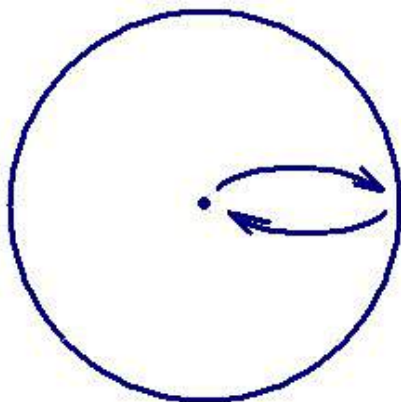
Trăm chiều lo lắng rút về một căn

Cần gì mà phải bận khoăn

Cần gì mà phải bận tâm lo lường.

Trong bài thuyết trình này, tôi sẽ lần lượt trình bày cùng quý vị những đóng góp của Tứ Thư, Ngũ Kinh vào công trình đi tìm Thượng Đế tiềm ẩn đáy lòng, tức là vào công trình xây đắp con đường Qui Nguyên Phản Bản, lý tưởng theo thánh hiền Nho giáo.

Trong bài thuyết trình này, tôi sẽ dùng TÂM ĐIỂM và vòng TRÒN bên ngoài với hai chiều thuận nghịch để trình bày những tư tưởng then chốt của Tứ Thư, Ngũ kinh, đồng thời cũng để minh định rằng con đường quy nguyên phản bản của Nho giáo chính là con đường hồi hướng, con đường quay về Tâm để mà tìm Đạo, tìm Trời hoặc quay về gốc, trở về nguồn.



Nhìn vào đồ hình này, ta sẽ thấy ngay chủ trương chính yếu của Nho giáo có thể tóm tắt như sau:

1. Thái Cực, hay ĐẠO hay TRỜI hay THƯỢNG ĐẾ là bản thể tuyệt đối, là căn nguyên duy nhất, sinh suất ra quần sinh vũ trụ, vừa siêu suất (transcendent), vừa ẩn tàng (immanent) trong lòng sâu, trong TÂM ĐIỂM vạn hữu, nhân quần, để làm trục cốt, căn cơ, âm thầm chỉ huy, hướng dẫn mọi cuộc biến thiên, tiến thoái.

2. Vạn hữu, vạn tượng, vũ trụ, quần sinh, những hình tướng biến thiên, những công dụng biến thiên đa tạp của một bản thể tuyệt đối, của một Thái Cực hợp lại thành một vòng biến thiên Sinh Tử. Những Vòng Tròn biến thiên bên ngoài, tuy là biến thiên sinh tử, nhưng vẫn có vinh hạnh mang trong lòng mình một căn cơ, một nguồn sinh HẰNG CỬU, BẤT DIỆT.

3. Thượng Đế hay Thái Cực, ở nơi tâm điểm với vạn tượng, vạn hữu hay giữa các quẻ ở vòng tròn bên ngoài có liên lạc mật thiết với nhau:

- Từ tâm điểm, từ Thượng Đế ra vòng tròn bên ngoài hay ra vạn tượng vạn hữu bên ngoài là chiều suy thoái, phóng phát ly tán, phân kỳ, hướng ngoại. Đó là chiều NHẤT TÁN VẠN, đó là chiều sinh Nhân sinh Vật.

- Từ TÂM ĐIỂM chuyển dịch, biến hoá ra vòng bên ngoài, rồi lại từ vòng bên ngoài chuyển dịch biến hoá quay trở về Tâm Điểm vẽ thành một vòng CHU DỊCH, hay một vòng biến hoá ĐẠI TUẦN HOÀN, hay ĐẠI CHU THIÊN.

Thế tức là VẠN VẬT TUẦN HOÀN CHUNG NHI PHỤC THỦY, để thực hiện điều Đại Huyền Kỳ của Trời Đất là Thủy Chung Như Nhất, mà Âu Châu gọi là Alpha = Omega (Alpha là đầu, là Thủy, vì chữ Alpha là chữ đầu trong mẫu tự Hi Lạp, Omega là chữ cuối cùng.)

- Kinh Dịch gọi là:

Nguyên Thủy Yếu Chung 原始要終 (Dịch, Hệ Từ Hạ, chương IX)

Nguyên Thủy Phản Chung 原始反終 (Dịch, Hệ Từ Thượng, chương IV)

- Thiệu Khang Tiết viết: «Vạn Vật tòng trung nhi khởi, tòng trung nhi chung.»

- Văn Đạo Tử viết: «Mới đầu từ trong thuận hành mà sinh, cuối cùng lại trở lại để ẩn tàng tại trung điểm tại trung Hoàng Thái Cực tìm lại được Bản Lai Diện Mục của mình. » [1]

- Nguyễn Ấn Trường, tác giả quyển Tạo Hoá Thông cho rằng: «Thái Cực là Một vậy. Vạn vật bắt đầu từ một và kết thúc ở Một. Trang Tử gọi thế là: «Xuất cơ, nhập cơ.» [2]

Cuộc biến dịch, tuần hoàn trong vũ trụ như vậy thực là có nhịp điệu, tiết tấu, chiều hướng, giai trình. Ta có thể theo dõi sự diễn biến ấy từ đầu đến đuôi được. Tất cả chỉ là một Nguồn sinh hoá diễn biến dần dà từ trung tâm ra tới các tầng lớp bên ngoài, rồi lại chuyển hoá, xoay mình bằng qua các lớp biến thiên từ ngoài vào trong, cho tới Trung Tâm Nguyên Thủy, tạo thành một vòng biến thiên, một vòng sinh hoá có lớp lang, tiết tấu mạch lạc, có nguyên ủy thủy chung.

Vòng đại tuần hoàn này của vũ trụ chẳng qua cũng như tình non nước lúc tan lúc hợp, mà

Tản Đà đã ngâm vịnh bằng những lời thơ thắm thiết như sau:

Cho dù sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non, nước nước, chưa nguôi lời thề.

4- Trông vào đồ hình trên (tâm điểm và hình tròn), ta thấy về phương diện nhân sinh quan, Nho giáo chủ trương con đường lý tưởng của nhân loại có hai chiều, hai mặt khác nhau:

a. Một chiều hướng ngoại, cốt phục vụ nhân sinh, điểm tô cho ngoại cảnh, cho gia đình, cho quốc gia, xã hội, cho xác thân, cho vấn đề cơm áo, vật chất. Dịch Kinh gọi thế là chiều Âm.

b. Một chiều hướng nội, cốt để tìm cho ra tinh hoa cốt cách con người, tìm cho ra con đường tâm linh, hướng nội để quy căn, phản bản, tìm cho ra Đạo, ra Trời tiềm ẩn nơi lòng mình. Dịch kinh gọi thế là chiều Dương.

Hai chiều hướng Đạo, Trời nói trên rất là quan yếu.

Kinh Dịch nơi chương 5 Hệ Từ Thượng viết: «Nhất âm, Nhất dương chi vị Đạo. Kế chi giả thiện dã, thành chi giả, tính dã.» 一陰一陽之謂道。繼之者善也，成之者性也。

Tạm dịch: Một âm một dương là đạo. Theo được là tốt, thành toàn được là thực hiện được Thiên tính mình.

Dĩ nhiên trong bài thuyết trình này, tôi sẽ không đề cập đến chiều Âm, chiều phục vụ đời sống gian

trần, chiều đem lại phú cường thái thịnh cho giang sơn đất nước, vì đó không phải là chủ đề nghiên cứu của chúng ta hiện nay. Tôi sẽ dùng Tứ thư, Ngũ kinh để đề cập đến chiều Dương, đến một vấn đề mà nhiều người tưởng là sở đoản của Nho giáo, đó là con đường Đạo đức tâm linh, con đường qui nguyên phản bản.

Những đóng góp của kinh Dịch

Kinh Dịch cho rằng:

- Học Dịch cốt là tìm cho ra tâm điểm của bất dịch, ở giữa lòng mọi biến thiên. (Lôi phong hằng, quân tử dĩ lập bất dịch phương. (xem Đại Tượng quẻ Hằng)

- Học Dịch cốt là để tìm cho ra Căn Cơ, Vĩnh Cửu, Tuyệt Đối, tiềm ẩn sẵn trong lòng mình, trở về được CHÍNH VỊ, THIÊN VỊ, sống hạnh phúc, thanh sang. Để diễn tả ý ấy:

- Văn ngôn hào lục ngũ, quẻ Khôn có mấy câu bất hủ như sau: «Quân tử Hoàng Trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sửng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã.» 君子黃中通理，正位居體，美在其中而暢於四支，發於事業，美之至也。

Dịch:

Hiền nhân thông lý Trung Hoàng
 Tìm nơi chính vị mà an thân mình,
 Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,
 Làm cho cơ thể xương vinh mỹ miều,
 Phát ra sự nghiệp cao siêu,
 Thế là đẹp để đến điều còn chi.

- Học Dịch cốt là CÙNG LÝ, TẬN TÍNH, CHÍ MỆNH. (Thuyết Quái, chương I)

Cùng lý: Là hiểu biết rành rẽ về nguyên lý sự vật.

Tận tính: Là hiểu biết rành rẽ về Bản Tính cao cả của con người.

Chí mệnh: Là thực hiện được định mệnh sang cả của con người, trở thành thánh nhân sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, cao xa như trời đất, uyển chuyển tiết tấu như bốn mùa trời. (Phù Đại nhân giả dĩ Thiên địa hợp kỳ đức, dĩ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dĩ tứ thời hợp kỳ tự, dĩ quỷ thần hợp kỳ cát hung). (Xem Kiền quái, Văn ngôn, hào cửu ngũ).

Văn Đạo Tử, gần đây cũng chủ trương rằng học Dịch cốt là để tìm cho ra căn cốt tinh hoa của mình, tìm cho ra định mệnh sang cả của mình, tìm cho ra lẽ phản bản hoàn nguyên, chứ không phải vụ chuyện bói toán, sấm vĩ. (xem Văn Đạo Tử, Giảng Đạo Tinh Hoa Lục, trang 9, quyển I. - Xem Dịch Học Nhập Môn của tác giả).

Dịch Kinh dạy chúng ta phải (Tẩy Tâm, thoái tàng ư mật). Hệ Từ Thượng chương XI: «Tẩy rửa tâm hồn, rút lui về nơi tâm linh ẩn náu.»

Dịch Kinh dạy cho chúng ta biết lẽ đời, lẽ Đạo hết sức là rõ ràng:

Thuận thì sinh nhân, sinh vật,

Nghịch thì sinh Thánh, sinh thần. [3]

Tán thời sinh nhân, sinh vật (THÁI CỰC → ÂM + DƯƠNG)

Tụ thì sinh thánh, sinh thần (ÂM + DƯƠNG → THÁI CỰC)

KHÍ + THẦN → ĐƠN [4]

NHÂN + THIÊN → ĐẠO, NHẤT.

Và như vậy: Nương theo dịch lý, Chúng ta có thể khẳng định rằng: Không biết hưởng nội, không biết hướng tâm, không biết thu thần định trí, suốt đời hướng ngoại, để cho tâm thần tản lạc vào những công việc vụn vặt, bên ngoài thì không thể nào thành thánh, hiền, tiên, phật được.

Thái Hư thị cũng đã nói: «Đơn Đạo, thánh công, không ngoài công trình hoàn phản.» [5]

Những đóng góp của Kinh Thư

Kinh Thư nơi thiên Đại Vũ Mô, tiết 15, cho ta khẩu quyết để thành thánh hiền:

Nhân tâm duy nguy,	人心惟危
Đạo tâm duy vi,	道心惟微
Duy tinh, duy nhất,	惟精惟一
Doãn chấp, quyết trung.	允執厥中

Dịch:

Lòng của trời siêu vi, huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngã nghiêng,
Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức, giữ nguyên lòng Trời.

Những đóng góp của Kinh Thi

Nơi thiên Đại Nhã đã cho chúng ta thấy cả một hoạt cảnh của dân chúng Trung Hoa thời cổ sơ, với niềm tín ngưỡng rất lạ lùng.

Thửa xa xăm ấy, dân chúng như dây dưa mọc lan man, chưa có nhà cửa sống trong hang cốc. (Kinh Thi, chương Đại minh, Miên miên qua diệt)

Họ tin sùng Thượng Đế là tin rằng Thượng Đế sống rất gần gũi với con người. Trong cuộc giao tranh quyết liệt với binh sĩ vua Trụ ở Mục Dã, Võ Vương muốn gây tinh thần cho quân sĩ mình đã kêu lên: Thượng Đế ở với ba quân, ba quân đừng nghi ngại.

Kinh Thi viết:

Quân Thương Ân bạt ngàn Mục Dã,
Một rừng người chặt cả sa tràng,
Cho ba quân thêm dạ sắt gan vàng,
Võ Vương kêu: Thượng Đế ở cùng ta đó,
Ba quân hãy vững lòng, vững dạ. [6]

Lời kêu gọi đó làm cho binh sĩ nhà Châu, hứng khởi, ào lên đánh tan quân Thương Ân trong có một buổi sáng.

Kinh Thi viết thêm:

Nơi Mực Dã mệnh mang rộng rãi,
Xe bạch đàn chói chói chang chang,
Ngựa tứ nguyên phau phau đẹp rõ ràng,
Khương thượng phụ trông oai phong lẫm lẫm,
Ngài như chim ưng xoè tung đôi cánh,
Giúp Võ Vương thế mạnh xiết bao,
Cả phá Thương, ba quân tiến ào ào,
Sau một sáng, trời thanh quang trở lại. [7]

Thời buổi thô sơ ấy, nhân loại đã tin rằng Trời từ đáy thăm lòng sâu tâm hồn, chiếu diệu ánh sáng muôn trùng ra để làm khuôn phép mẫu mực, để ra mệnh lệnh. Các bậc vương giả, hiền nhân thời ấy cố sống sao đức hạnh tuyệt vời, để kết hợp với Trời, để có thể nên vẻ sáng của Trời như Văn Vương. Họ mong muốn được được đức hạnh như Trời (dữ Thiên, đồng đức).

Hễ thấy ai:

Đức sáng quắc sáng choang ở dưới,

Họ liền biết:

Mệnh hiển dương, chói lọi ở trên. [8]

Thời buổi thô sơ ấy, các bậc thánh hiền, vương giả đều tin rằng có Trời ngự trị trong lòng mình. Văn Vương nói:

Chẳng thấy nhãn tiền, nhưng vẫn giáng lâm,
Chẳng phải long đong nhưng vẫn giữ được. [9]

Văn Vương lên tới trình độ đức hạnh siêu việt, nên như vẻ sáng của Thượng Đế, vì thế gọi là Văn Vương, ý nói Thượng Đế là chất mà ngài là Văn, là vẻ sáng Trời được phát huy ra.

Kinh Thi viết:

Việc Trời chẳng tiếng, chẳng tầm,
Nên dùng dạng thức vua Văn hiển hình,
Cho muôn dân thấy mà tin. [10]

Kinh Thi viết thêm:

Văn Vương trọn một niềm kính nể,
Làm chói chang Thượng Đế ra ngoài,
Muôn nghìn phúc lộc chiêu lai,
Một lòng nhân đức chẳng phai lòng vàng. [11]

Thời buổi thô sơ ấy, dân chúng quan niệm rằng giữ vẹn đạo Trời, ấy là nổi chí tổ tiên, ấy là hiếu kính.

Mà giữ vẹn đạo Trời chính là sống một cuộc đời vẹn hảo, phối kết tất giao với Thượng Đế.

Kinh Thi viết:

Muốn nhớ tới tổ tiên khi trước,
 Hãy gắng công tích đức tu thân,
 Mệnh trời phối hiệp vào thân,
 Muôn ngàn phước lộc xa gần chiêu lai,
 Thủa nhà Ân còn thời thịnh trị,
 Đã từng Thượng Đế tất giao,
 Gương nhà Ân hãy soi vào,
 Mệnh Trời cao cả lẽ nào dễ đâu. [12]

Kinh Thi viết thêm:

Mệnh Trời ấy há đâu có dễ
 Muốn cho ta đừng kể tư thân,
 Biểu dương phóng phát thiện chân. [13]

Tóm lại thời buổi ấy, những hiền nhân quân tử đã thông hiểu lẽ «Thiên Nhân tương dữ» 天人相與, tình Trời người cá nước duyên ưa, thiên ý, nhân tâm hoà hợp. Trời người cùng tấu khúc nhạc hoà hài.

Kinh Thi viết:

Trời xanh dẫn dắt chúng dân,
 Như là tấu khúc nhạc huân, nhạc trì,
 Trời, Người, đôi ngọc chương khuê,
 Bên cho, bên lấy, đề huề, xiết bao,
 Tay cầm, tay giắt, khéo sao,
 Trời xanh, dẫn dắt dân nào khó chi. [14]

Những đóng góp của Kinh Lễ

Xuyên qua Kinh Lễ, ta thấy Nho giáo chủ trương:

Thời nào cũng như thời nào, con người sinh ra ở đời, không thể tự do muốn làm gì thì làm, mà phải tuân theo các định luật tự nhiên, các định luật sinh lý, tâm lý, nhân sinh, các định luật giao tế, xã hội. Tuân theo các định luật thiên nhiên ấy, ta mới có thể tạo cho mình một đời sống lý sự, đẹp, tươi vui, tạo cho mọi người và xã hội an vui, hoà hợp. Đó là điều kiện căn bản để tiến tới Chân, Thiện Mỹ.

Những định luật tự nhiên ấy đã được gắn liền ngay vào cơ cấu, ngay vào bản chất muôn loài, muôn vật, đã được gắn liền vào mọi động tác, mọi hành vi, mọi biến hoá để định thế nào là hay, là phải.

Nhưng, muốn tìm cho ra những định luật thiên nhiên ấy không phải là chuyện dễ.

Ta có thể tìm cho ra những định luật thiên nhiên ấy hoặc bằng trực giác, hoặc bằng phương pháp loại suy, hoặc bằng cách khảo sát lại lịch sử, quan sát hiện tại, hiện tình, hay dùng Dịch Lý mà suy diễn ra.

Thế tức là: Muốn tìm ra những định luật thiên nhiên, phải hiểu vật, hiểu người, biết nay, biết xưa, khảo sát

lại hiến chương của đời trước, tham khảo lại sự thành bại đời nay. (Bác vật, Thông nhân, tri kim, ôn cổ, khảo tiên đại chi hiến chương, tham đương thời chi đắc thất. 博物通人, 知今温古, 考先代之憲章, 參當時之得失 (Lễ ký chính nghĩa, tựa, tr. I. Xem Tổng Bản Thập Tam Kinh, Lễ Ký). [\[15\]](#)

Nhận định trên rất quan trọng về phương diện đạo giáo, về phương diện tu thân, hoàn nguyên phản bản, vì lẽ nó xác định rằng: ĐỊNH LUẬT THIÊN NHIÊN chính là LUẬT TRỜI. Luật Trời ấy đã được ghi tạc ngay trong LƯƠNG TÂM con người, trong tâm khảm con người.

Những định luật gì không phải là thiên nhiên đều là nhân vi, nhân tạo, và không thể nào đem lại hạnh phúc thật sự cho con người, Chân, Thiện, Mỹ, thật sự cho hoàn vũ.

Chính vì vậy mà nếu ta muốn qui nguyên phản bản mà lại phóng ngoại, mà hướng ngoại tìm cầu, thì chẳng khác nào mò trăng đáy nước, bắt cá ngọn cây.

Những đóng góp của kinh Xuân Thu

Kinh Xuân Thu, theo Đồng Trọng Thư, đưa ra hai ý niệm triết lý và đạo giáo sau đây:

- Trời Người có quan hệ mật thiết với nhau,
- Con người đúng với danh nghĩa của nó, phải toàn thiện, hoàn hảo như Trời.

Đồng Trọng Thư cho rằng sách Xuân Thu cốt là để xiển minh cái quan niệm THIÊN NHÂN TƯƠNG DŨ, Nghĩa là Trời và Người có quan hệ mật thiết với nhau. Trời là Tổ của vạn vật, là tổ của con người. (Xem Trần Trọng Kim, Nho giáo, quyển II, tr. 35).

Cho nên, khi ta mới sanh, chưa phải là người, vì con người xứng đáng với danh hiệu nó phải hoàn toàn như Trời. (Trần Trọng Kim, Nho giáo, quyển II, tr. 35.)

Thế tức là, trong con người đã sẵn có Thiên Chân, Thiên tính, và đã sẵn có mầm mống hoàn thiện. Con người có bốn phận làm triển dương mầm mống hoàn thiện ấy, cho tới tinh vi cao đại. Chính trị, có bốn phận hướng dẫn, giáo hoá dân, thành toàn sứ mệnh cao cả ấy.

Những đóng góp của sách Đại Học

Nho giáo trước sau vẫn chủ trương rằng: Trời chính là căn bản, là gốc gác con người. Cái gốc gác, căn bản ấy lại tiềm ẩn, sâu xa, trong đáy lòng nhân loại, để làm Bản tính nhân quần.

Bản tính Trời, ấy là Gốc, mọi việc khác như tâm tư, thân xác, gia đình, quốc gia, xã hội, thiên hạ, sự vật, v.v... là thân là cành, là ngọn. Không biết được gốc, làm sao mà trị được ngọn, không hiểu được Trời, làm sao hiểu nổi người. (Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri Thiên. 思知人, 不可以不知天 (Trung Dung, chương XX.) [\[16\]](#)

Cho nên Đại Học chủ trương rằng người quân tử phải cố gắng học hỏi, mài miệt suy tư, để tìm cho ra cái khuôn Trời, cái Gốc Trời nơi mình (*Cách vật*). [\[17\]](#) Đó là cái học cao siêu nhất, rốt ráo nhất (Trí tri) rồi ra mới có thể «chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ được.»

Tất cả chủ trương trên, đã được trình bày ngay ở đầu sách Đại Học.

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy,
Dạy dân lối sống tân kỳ,

Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng,
 Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,
 Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan,
 Hết lo, lòng sẽ bình an,
 Bình an, tâm trí rộng đàng xét suy,
 Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,
 Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi,
 Trước sau đã rõ khúc nôi,
 Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi,
 Muốn Đức, sáng truyền đi thiên hạ,
 Người xưa, lo cải hoá dân mình,
 Trị dân, trước trị gia đình,
 Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên,
 Dày công học vấn sẽ hay KHUÔN TRỜI. [\[18\]](#)
 Hay Khuôn Trời, ắt thôi thấu triệt,
 Thấu triệt rồi ý thiệt lòng ngay,
 Lòng ngay ta sẽ hoá hay,
 Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên,
 Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
 Nước trị bình, bốn bể bình an,
 Từ vua cho tới dân gian,
 Tu thân, một mực lấy làm căn cơ. (Đại Học, I).

Những đóng góp của sách Luận Ngữ

Xuyên qua đời sống đức Khổng, xuyên qua tâm tư, ý nguyện, xuyên qua những lời giảng giáo của đức Khổng trong Luận Ngữ, ta sẽ rút tỉa ra được những bài học sau đây:

1. Con người phải có niềm tin vững mạnh về định mệnh sang cả của mình. Khi bị vây ở đất Khuông, đức Khổng đã nói: «Văn Vương đã thác rồi, vẻ sáng ấy chẳng ở lại nơi ta sao? Nếu Trời muốn để mất vẻ sáng ấy, thì khi Văn Vương đã thác, chẳng có ban nó cho ta. Bằng Trời chưa muốn mất vẻ sáng ấy, thì người đất Khuông làm được gì ta (Luận Ngữ, IX, 5)

2. Người quân tử phải biết lễ: Nhất quán Của Trời Đất.

Đức Khổng nói: «Ngô Đạo Nhất dĩ quán chi.» 吾道一以貫之 (Luận Ngữ, IV, 15).

Thế tức là có thể dùng chữ Nhất, mà tổng hợp, mà quán xuyên hết cả đạo Nho.

Nhất, như trên đã trình bày: là căn nguyên muôn loài, muôn vật,

Nhất là nguồn gốc mọi biến hoá.

Nhất là cùng đích muôn loài.

Con người từ Nhất từ Trời mà ra, chung cuộc lại trở về phối hợp với Nhất với Trời.

Đó chính là cái đạo Phối Thiên, đó chính là Trung Đạo (Luận Ngữ, XIII, 21) đó chính là Thiên Đạo, là cái Đạo mà sáng được nghe, chiều chết cũng cam: «Triều văn Đạo, tịch tử khả hĩ.» 朝聞道，夕死可矣 (Luận Ngữ, IV, 8)

3. Người đạo hạnh thực sự chỉ cần sống thuận thiên lý. [\[19\]](#)

Nghe, nhìn, nói, làm, luôn luôn phù hợp với định luật tự nhiên của đất trời. [\[20\]](#)

4. Người đạo hạnh thực sự phải biến đời mình thành một bài kinh trường thiên. Đó chính là câu «Khâu chi đảo cửu hĩ» 丘之禱久矣 của đức Khổng (Luận Ngữ, VII, 34)

5. Người hành đạo thực sự phải sống phối kết với Trời, phải bắt chước Trời mà hành sự.

Đức Khổng nói: «Ta muốn thôi không nói nữa.» Tử Cống nói: «Nếu thầy chẳng nói, bọn đệ tử chúng tôi làm sao đem lời dạy của thầy mà truyền lại đời sau cho được?» Đức Khổng đáp: «Trời có nói gì đâu mà bốn mùa vẫn vẫn xoay, vạn vật luôn sinh hoá. Trời có nói gì đâu?» (Luận Ngữ, XVII, 18).

6. Người đạo hạnh thực sự sẽ đạt tới tứ tuyệt như Khổng tử. (Luận Ngữ, IX, 4).

Vô ý 毋意: Không còn tình ý riêng tây.

Vô tất 毋必: Không còn bị ngoại cảnh gò bó.

Vô cố 毋固: Không cố chấp, mà cởi mở, mà khoan quãng, hoà đồng.

Vô ngã 毋我: Không còn cái tiểu ngã, không còn cái mình nhỏ nhoi ti tiện, mà hoàn toàn cao minh phối thiên 高明配天, bác hậu phối địa. 博厚配地 (Xem Trung Dung, chương XXVI)

Những đóng góp của sách Mạnh Tử

Mạnh tử là người đóng góp khá nhiều vào công trình khám phá cho ra con đường Qui nguyên bản của đạo Nho.

1. Ông dứt khoát chủ trương phải quay về tâm mà tìm đạo, tìm Trời. Nơi chương Tận tâm thượng ông viết:

Cả vạn vật ở trong ta đó,

Quay về ta, ta cố tình thành.

Kiên toàn, hoàn thiện tinh anh,

Vui nào hơn được vui mình đang vui. [\[21\]](#)

2. Ông cho rằng trong thâm tâm ta đã sẵn có con đường đưa tới Đạo tới Trời, nhưng con đường ấy đã bị lau lách đục tình vùi lấp mất. (Kim mao tắc tử chi tâm hĩ. 今茅塞子之心矣. Mạnh Tử, Tận Tâm Chương Cú Hạ.)

3. Ông khuyên mọi người thu hồi con tim phóng đảng luân lạc nơi ngoại cảnh trở về: «Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ.» 學問之道無他，求其放心而已矣 (Mạnh Tử, Cáo Tử, chương cú thượng, câu II.)

4. Ông chủ trương rằng: Đi sâu về phía tâm linh, sẽ tìm ra được Thiên tính, sẽ tìm thấy Thượng Đế tiềm ẩn sẵn trong lòng con người. Nơi chương Tận Tâm Thượng ông viết:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết tính,
 Hay biết tính, nhất định biết Trời. [22]
 (Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã.
 Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ.)

5. Ông cho rằng: Bảo toàn được tinh hoa cốt cách con người, bảo toàn được thiên tính, đó là chân đạo, đó là cách phụng sự thượng đế tốt đẹp nhất. Ông viết:

Tồn tâm dưỡng tính chẳng rời,
 Ấy là giữ đạo, thờ Trời chẳng sai. [23]
 «Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã.»
 存其心，養其性，所以事天也。

6. Vì ông trực giác được rằng Bản thể tuyệt đối, đã tiềm ẩn sẵn trong đáy lòng con người, vì ông trực giác được rằng Thượng Đế đã tiềm ẩn trong đáy lòng nhân loại để làm căn cơ gốc gác cho con người để làm khuôn phép, mẫu mực cho con người, nên ông mạnh dạn chủ trương: BẢN TÍNH CON NGƯỜI THÌ HOÀN THIỆN (Mạnh Tử, 1)

7. Mạnh Tử cũng là một trong những triết gia Nho giáo đã phân tách được rằng:
 Dưới lớp nhân tâm còn có Thiên tính,
 Dưới lớp Nhân dục, còn có Thiên lý làm chủ chốt.
 Nhân tâm thời bất toàn,
 Thiên tính thời vẹn hảo.

Nhân tâm mới chỉ là mầm mống của sự toàn thiện, mới chỉ gồm có những mối manh hoàn thiện, như lòng trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi.

Thiên tính mới là sự hoàn thiện tuyệt vời, gồm đủ cả Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. (Mạnh Tử, 2) [24]

8. Bồi dưỡng nhân tâm, cho nhân tâm triển dương tới mức độ tuyệt vời của thiên tính, kế hợp được với thiên tính, đó chính là công trình tu thân mà Mạnh Tử chỉ vẽ cho chúng ta. (Mạnh Tử, 3) [25]

Những đóng góp của sách Trung Dung

Xưa nay ai cũng công nhận rằng Trung Dung là tâm pháp của Nho giáo. Sách bắt đầu bằng chữ Thiên. Từ đó suy diễn ra Tam Đức (NHÂN, TRÍ, DŨNG), Ngũ Luân (Quân thần, phụ tử, phu phụ, côn đệ, bằng hữu), Cửu kinh (chín phép trị nước) (Xem Trung Dung, chương I, XX). Sau đó lại dùng Cửu kinh, Ngũ luân, Tam đức như là những nấc thang thần giúp cho con người triển dương, tiến hoá đến cùng cực tinh hoa (Trung Dung, 1)[26] đến Trung Dung, Trung Đạo [27] đến chỗ kết hợp với Trời mà Trung Dung gọi là Phối Thiên. [28] Như vậy sách Trung Dung cũng kết thúc bằng chữ Thiên, vô thanh, vô xú.

Sách rất cao siêu, nhưng cũng khó hiểu. Chính vì thế mà chúng ta cũng nên đặc biệt để tâm khai thác những điều huyền nhiệm mà Trung Dung tàng trữ bấy lâu, để đóng góp vào công trình đi tìm con đường Qui nguyên phản bản.

1. Hai chữ Trung Dung:

Chữ Trung, theo từ nguyên, là một mũi tên bắn trúng hồng tâm. Hội ý tiên nho, nhất là Trình Tử và Chu Hi, tôi đã giải hai chữ Trung Dung như sau:

Trung là tâm điểm,

Dung là hằng cữu, bất biến.

Như trên tôi đã trình bày, trong vòng biến thiên ảo hoá của vũ trụ, vạn hữu chỉ một tâm điểm bất biến, hằng cữu, ấy là Bản thể tuyệt đối, là Thái cực, là Đạo, là Trời.

Chính vì thế mà Kinh Dịch đã vẽ Thái cực ở tâm điểm vòng Dịch, còn các quẻ tượng trưng cho vạn hữu, hình tượng biến thiên bên ngoài thì vẽ lên vòng tròn bên ngoài, lên vòng biến dịch bên ngoài.

Tâm điểm vì ở giữa vòng biến thiên của vạn hữu, nên không hề nghiêng lệch bên nào. Tâm điểm, vì là cơ cấu, là căn cơ gốc gác muôn loài, nên cũng không dựa nương vào đâu. Chính vì thế mà Trình Tử mới nói: Trung là Bất Thiên, Bất Ý.

Muôn loài, muôn vật biến thiên, ắt phải có một căn do bất biến hằng cữu làm chủ chốt. Chính vì thế mà Trình Tử giải: DUNG là Bất Dịch. Thế tức là chỉ với hai chữ TRUNG DUNG, đức Khổng đã vạch ra cho chúng ta cả một chương trình hành động, cả một con đường giải thoát.

Nghĩa là:

Sống trong muôn ngàn hiện tượng biến thiên, chúng ta phải tìm cho ra căn cơ bất biến.

Ở đâu có biến thiên, ở đấy có căn cơ làm chủ chốt.

Ở nơi con người ta, có đầy dẫy mọi hiện tượng biến thiên. Như vậy trong con người chúng ta, phải có một căn cơ bất biến làm chủ chốt.

Mà như trên đã trình bày, chỉ có trời có Đạo, có Thái cực mới bất biến. Suy ra: trong ta, chắc chắn phải có Đạo, có Trời, có một nguồn sống siêu nhiên vĩnh cửu làm chủ chốt.

Cái gì còn biến thiên thì còn ở trong vòng sanh tử. Cái gì bất biến mới thoát ra ngoài vòng biến thiên sanh tử. Thế nên, nếu con người muốn thoát vòng sinh tử, Phải đạt cho được tới TÂM ĐIỂM BẤT BIẾN, đạt tới TRUNG DUNG.

Đức Phật cũng đã nói: «Hỡi các tỳ khưu, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao giải thoát được cái sinh, thành, ý, tạp.» [\[29\]](#)

Vivekananda cũng đã viết: «Chúng ta trước hết phải đi tìm cho ra một tâm điểm phát sinh ra mọi bình diện sinh hoạt khác. Khi đã tìm ra được tâm điểm rồi, chúng ta mới mong tìm ra được một giải pháp. Đó là chương trình của chúng ta. Tâm điểm ấy ở đâu? Thừa nó ở ngay trong lòng ta. Các hiền triết cổ thời đã tìm sâu mãi vào tâm con người, cho đến khi khám phá ra được rằng TÂM KHẮM CON NGƯỜI CHÍNH LÀ TRUNG TÂM VŨ TRỤ. Tất cả mọi bình diện khác đều xoay quanh tâm điểm duy nhất ấy, và chỉ từ đó, chúng ta mới tìm ra được giải pháp chung cho mọi người.» [\[30\]](#)

Văn Đạo Tử cho rằng: TÂM ĐIỂM chính là Thiên Đạo.

Vào được tâm điểm của lòng người, tức là vào được tâm điểm của vòng Dịch, tức là thoát luân hồi sinh tử, tức là vào được trực pháp luân theo danh từ của Phật giáo.

Ta hãy nghe Văn Đạo Tử trình bày: «Thiên đạo cư trung lập cực, nên vận chuyển muôn loài không sai thất, cũng như trong bánh xe, các vành xe và tai hoa xe vận chuyển không ngừng là nhờ trục xe. Nếu ta giữ vững được Trung điểm, tận dụng được Thái Cực, thì có thể chuyển vận vạn vật và có thể góp phần được với trời đất trong công trình hoá dục. Cho nên người quân tử tu nhân đạo để hợp thiên đạo. Hợp thiên

đạo tức là vào được trục của vòng Dịch, thoát ra ngoài vòng kiểm tỏa của hiện tượng, hỗ trợ muôn vật mà không tư vương dính bén muôn vật, xoay chuyển vòng biến Dịch mà chẳng chuyển dịch với bánh xe biến thiên luân hồi.»

Hoàng Đế nói: «Vũ trụ ở trong tay, vạn hoá sinh trong mình. Phật nói: Thu bể khơi vào trong sợi lông, đem núi TU DI lồng vào trong hạt cải, đâu phải là thuật lạ. Bất quá là các ngài đã nắm được trục của pháp luân. Ôi vi diệu thay, trục của pháp luân, hỏi mấy ai đã biết? Chẳng rõ được trục mà chỉ biết nói pháp luân, luôn vận chuyển, thì chóng thì chày cũng bị vận chuyển theo pháp luân, làm sao thoát vòng sinh tử được?» [\[31\]](#)

Như vậy nếu ta hiểu Trung Dung là Tâm Điểm Bất Biến, Nếu ta đặt hai chữ Trung Dung vào Tâm điểm vòng tròn, ta sẽ có ngay một chìa khoá thần để mở các chốt then Đạo Giáo, thấu triệt được huyền cơ vũ trụ và con người. Thực vậy, nếu ta nhận định rằng Tuyệt đối hằng cửu bất biến ở tâm điểm vòng biến dịch, ta sẽ định ngay được rằng Tuyệt Đối Hằng Cửu ở ngay tâm điểm, ở ngay Trung Tâm Điểm não bộ ta, vì đầu ta chính là một hình tròn, vì não bộ ta chứa đựng muôn biến hoá. Lão Giáo gọi trung tâm não bộ là HUYỀN QUAN KHIẾU, là CỐC THẦN, là NÊ HOÀN. Phật giáo Tây Tạng với lời chú: Oum Mani Padme Hum đã xác nhận rằng giữa bông hoa sen nghìn cánh, não bộ con người đã có sẵn ngọc châu viên giác.

Học giả Lilian Silburn, trong tác phẩm Instant et Cause đã viết: «Tìm ra được chân tâm tương đương với Brahman Thượng Đế, vừa là tâm điểm của lòng mình, vừa là tâm điểm của vũ trụ, là một khám phá lớn lao của các vị đạo sĩ Bà La Môn, sự khám phá này đã dẫn tới sự hình thành của bộ Áo Nghĩa Thư.» [\[32\]](#)

2. Những nét đặc thù của Trung Dung:

a/ Con người với Trời có đồng một bản tính.

Trung Dung với mấy chữ vấn vỏi «Thiên mệnh chi vị Tính» 天命之謂性 nơi đầu sách đã cho chúng ta thấy rằng: Con người muốn bước vào Thiên đạo, muốn phản bản hoàn nguyên, trước hết phải có một nhận thức nghiêm chỉnh về bản thể mình, về bản tính mình. Trung Dung cho rằng bản tính con người là Thiên tính. Nói nôm na Bản tính con người và bản tính Trời là một.

Thế tức là sau những bộ mặt nạ hoá trang mà sân khấu đời đã bắt ta mang, sau những lớp bùn đất thời gian, ngoại cảnh, của những con người thực tại (Le moi empirique), còn đang luân lạc trong chốn hồng trần, còn có bộ mặt vô cùng xinh đẹp của con người lý tưởng (Le moi idéal) ẩn khuất ở bên trong. Bộ mặt đó, người Á Đông thường gọi là Bản Lai Diện Mục.

Từ khi tôi khám phá ra được điều quan trọng này, tôi đã dùng nó như một kim chỉ nam để tìm cho ra đại Đạo khuất lấp trong những cánh rừng sâu tôn giáo và triết học trên thế giới.

Gần đây, có dịp đọc quyển Lịch Đại Cao Tăng Cổ Sự, tôi thấy đại sư Đạo Sinh, sống vào thời đại Nam Bắc triều bên Tàu, đời Lưu Văn Đế (424- 453) Cũng đã có chủ trương y hệt tôi. Đạo Sinh quả quyết rằng: Nhà Nho gọi là Thiên Mệnh, thì nhà Phật gọi là Phật tính, mà Phật tính tức là Thiên tính. [\[33\]](#)

Bà La Môn cũng cho rằng: con người chân thực trong chính ta là Atman, là Brahman, Thượng Đế.

Phật giáo nhất là trong kinh Đại Niết Bàn đã chủ trương rằng: Mọi người đều có Phật tính.

Thánh Kinh Công giáo cũng có một câu làm tôi hết sức sung sướng đó là: Thượng Đế chính là sự sống của bạn. [\[34\]](#)

Nếu Thượng Đế là sự sống của chúng ta, thì chắc chắn ngài là bản thể của ta vậy.

Hội nghị Thông thiên học quốc tế họp tại Salzburg nước Áo, năm 1966, cũng có những lời tuyên

ngôn hết sức nảy lửa. ví dụ:

- Trong ta có một vô cùng. [35]

- Giác ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố thần linh duy nhất trong tâm thần mọi người. [36]

- Thời buổi này cần phải nhận chân rằng trong mọi người có một tàn lửa Thiên Chân, và những khả năng vô tận, vô biên. [37]

- Tôn giáo xưa cho rằng Trời và người xa cách nhau, phẩm và chất xa cách nhau. Thông Thiên ngày nay dạy rằng: Trời Người là Một. [38]

b/ Nhân tâm thuận tòng Thiên tính, Thiên lý thể là chân đạo (Suất tính chi vị đạo 率性之謂道).

Theo Trung Dung đạo Trời thật chí giản chí dị. Muốn theo đạo Trời, muốn theo Thiên lý, con người chỉ cần lắng nghe tiếng gọi của lương tâm. Trung Dung gọi thể là Suất Tính.

Lương tâm luôn luôn dạy ta làm điều cao đại minh chính, luôn luôn dạy ta Từ Bi Hỉ Xả, coi người như mình, trọng lễ nghĩa, khinh lợi.

Còn tâm tư chúng ta luôn luôn làm những điều tà ngụy, bất trung, bất chính, ích kỷ, hại nhân, luôn luôn muốn vọng hành, vọng niệm.

Như vậy thuận tòng thiên lý, tức là gạt bỏ những điều tà ngụy, để tiến tới công chính, từ bỏ mọi điều ti tiện cục cằn để vươn lên tới tinh hoa cao đại.

Bà H. P Blavastsky, trong quyển Mật giáo (Doctrine Secrète) đã viết: «Chỉ có nguyên lý tuyệt đối, bất khả tư nghị, căn nguyên vạn hữu mới đáng có đền thờ và bàn thờ trong khu đất thiêng liêng và u tịch của long ta. Nguyên lý ấy mình không thấy, bắt không được, mung lung huyền ảo, nhưng ta vẫn có thể cảm thấy được qua trung gian tiếng nói thầm lặng của lương tâm. Kẻ nào thờ phượng Nguyên lý tuyệt đối ấy, phải thờ trong yên lặng và trong sự u tịch thiêng liêng ấy của tâm hồn mình.» [39]

Bà Blavastsky còn viết: «Atman, Đại ngã [...] sẽ tỏ quyền năng cho kẻ nào có khả năng nghe được 'tiếng nói thầm lặng' của lương tâm. Từ thuở ban sơ cho đến thời hiện đại, không một triết gia chân chính nào mà không mang trong đền đài u tịch của tâm hồn mình chân lý cao đại và huyền diệu đó. Nếu là trường hợp người được điểm đạo, thì sự học biết về lương tâm lại trở thành một khoa học thiêng liêng.» [40]

c/ Trời, luật trời, Đạo trời chẳng hề rời xa con người một phút giây.

Đọc câu «Đạo đã giả bất khả tu du ly dã» 道也者不可須臾離也 nơi đầu sách Trung Dung tôi đã tìm ra được ba nhận định hết sức quan trọng của người xưa về đạo giáo.

① Một là trời chẳng hề xa con người.

② Hai là luật trời chẳng hề có ở ngoài con người, mà đã được ghi tạc ngay trong tâm khảm, thâm tâm con người.

③ Ba là Chân đạo hay là con đường dẫn người tới trời đã có sẵn ngay trong tâm hồn mỗi một người.

Tôi cho rằng đó là những quan niệm hết sức xác đáng.

① Trời chẳng hề xa con người.

Nếu trời là căn cơ gốc gác con người, thì Trời làm sao mà rời xa con người được?. Chính vì tin rằng Trời chẳng lìa xa mình, nên người quân tử trong đạo Nho luôn luôn e dè kính cẩn, dẫu là khi ở một mình.

E dè cái mắt không nhìn,
 Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.
 Càng ẩn náo lại càng hiện rõ,
 Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,
 Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
 Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng.

(Trung Dung chương I)

② Luật Trời chẳng lià xa con người.

Chương XII Trung Dung viết:

Đạo luôn gần gũi người đời,
 Những ai lập đạo xa rời chúng dân,
 Hiếu kỳ lập dị là nhàm.

Kinh Thi viết:

Đẻo cán rìu có liền bên cán mấu,
 Trông lại nhìn cổ dấu cho in.
 Ngắm đi, ngắm lại liền liền,
 Đẻo lui đẻo tới mắt xem chưa vừa,
 Nên người quân tử, khi lo giáo hoá,
 Sửa trị người sẵn có khuôn người,
 Thấy người giác ngộ thời thôi,
 Đã chiều cải hoá liệu bài ta ngưng.

③ Con đường từ người dẫn đến Trời đã có sẵn trong tâm thần con người.

Nhận định này chỉ là một sự suy diễn tự nhiên của quan niệm Trời chẳng xa người đã đề cập ở nơi trên. Thực vậy đạo chẳng qua là sự tìm ra được Trời ngự trị trong lòng mình, tìm lại được bản tính thần minh sang cả của mình, bắc được nhịp cầu giữa lòng mình với Thần Trời trong mình, phát quang được gai góc, lách lau của thất tình, lục dục, phá tan được lớp sương mù dày đặc của sự ngu si mê vọng. Cho nên con đường trở về Thiên quốc, con đường quy nguyên phản bản Nho giáo, không thể nào tìm thấy được trên muôn vạn nẻo đường của trần ai ngoại cảnh, của muôm dặm thình không mà chính là đã có sẵn trong tâm thần chúng ta.

Chu Hi khi bình chương nhất Trung Dung viết:

Tử Tư nương ý chân truyền,
 Trung Dung hạ bút nói liền duyên do,
 Nguồn đạo ấy phát từ Thượng Đế,
 Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời,
 Hoàn toàn đầy đủ nơi người,
 Một giây một phút chẳng rời khỏi ta.

Rồi bàn tiếp chi là cần thiết,

Lễ Dưỡng, Tồn, Tĩnh, Sát v.v...

Cuối cùng, tác giả luận bàn, sức thiêng biến hoá thánh thần uy linh.

Những học giả muốn tìm đạo ấy,

Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai,

Đẹp tan cám dỗ bên ngoài,

Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.

(chương nhất, lời bình của Chu Hi).

Thông Thiên học cũng chủ trương phải tìm Đạo, tìm Trời ngay trong lòng mình.

Ông Joy Mills, trong một bài thuyết trình tại đại hội Thông thiên quốc tế ở Salzburg, có trích dẫn một đoạn Upanishad như sau: «Có một ánh sáng chiếu soi khắp cùng trời đất, đó là ánh sáng chiếu soi trong lòng chúng ta. Có một nhịp cầu nối liền thời gian và vĩnh cửu, và nhịp cầu ấy là Thần con người. Trên cầu ấy, chẳng có ngày đêm, chẳng có lão tử, chẳng có sâu muợn ưu tư. Một khi đã tìm thấy nhịp cầu ấy, con người sẽ nhìn thấy rõ tương lai và sẽ khỏi hết thương tích, bệnh tật. Đối với ai đã vượt được qua cầu ấy, đêm sẽ trở thành như ngày, vì trong thế giới thần linh, có một ánh sáng vĩnh cửu.» [\[41\]](#)

Đại hội Thông Thiên ở Salzburg còn nhận định rằng: «Người ta thấy được Thượng Đế trong tạo vật Ngài. Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy đời sống Thượng Đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này cũng vĩ đại như sự khám phá ra nguyên tử năng. Nó cho con người quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh kỳ diệu.» [\[42\]](#)

d/ Những phương pháp tổng quát để tiến tới Trung Dung, tới tuyệt điểm tinh hoa.

Sau khi đã vạch rõ cho con người thấy rằng mình có một căn cơ hết sức sang cả, đó là Thiên tính, sau khi đã cho con người thấy rằng, Trời và định luật Trời, con đường đưa về Trời đã có sẵn cả trong tâm, Trung Dung đề ra ba phương pháp chính yếu để giúp con người tiến tới hoàn thiện.

- ① Mở mang trí tuệ để đi đến chỗ đại trí, đại giác. Đó là TRÍ.
- ② Luôn luôn thực thi những điều hay, để trở nên hoàn thiện. Đó là NHÂN.
- ③ Cố gắng không ngừng để đi đến chỗ tinh vi cao đại. Đó là DŨNG.

Trung Dung viết:

Muốn thông thái không ngoài học vấn,

Muốn tu nhân phải gắng công lao,

Muốn nên hùng dũng, anh hào,

Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.

Trí, Nhân, Dũng, tu thân ấy lý,

Biết tu thân ắt trị nổi người,

Trị người hiểu biết khúc hô,

Con thuyền thiên hạ âu tài đẩy đưa. (Trung Dung, XX)

Muốn phát huy những năng lực nội tại, những đức tính nội tại, con người không cần phải vào thâm sâu cùng cốc, mà chỉ việc vui sống với mọi hoàn cảnh mình gặp trên bước đường đời (Trung Dung, XIV),

mà chỉ cần kiên gan bền chí, đừng bán đồ nhi phế (Trung Dung, XI).

e/ Mục đích của con đường phản bản hoàn nguyên là PHỐI THIÊN.

Sau khi đã dùi mài học hỏi, suy tư đến mức khai thông được trí huệ, sau khi đã tha thiết thực thi những điều hay, điều phải đến mức Nhân Đức vẹn toàn, sau khi đã cố gắng phát huy được những năng lực tinh thần, để có thể tiến tới mức tinh vi cao đại, đến chỗ chí cao, chí mỹ, chí thành, chí thiện lúc ấy con người sẽ đạt đích.

Trung Dung gọi sự đắc đạo, đạt đích là đạt tới Trung Dung. Trung Đạo, là «Thung dung Trung Đạo», là PHỐI THIÊN, là sống phối kết, hợp nhất với THƯỢNG ĐẾ.

Trung Dung phác họa bậc thánh nhân ấy như sau:

Chỉ có đấng chí thánh trong trần thế,
 Mới có đầy đủ thông minh trí huệ,
 Y như thể có Trời ẩn náo, giáng lâm,
 Mới khoan dung, hoà nhã, ôn thuận,
 Y như thể có dung nhan Trời phát phưởng,
 Phấn phát tự cường, kiên cương, hùng dũng,
 Y như là đã cầm giữ được sức thiêng,
 Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
 Y như thừa hưởng đôi phen kính cẩn,
 Nói năng văn vẻ, rõ ràng, cẩn thận,
 Y như là đã chia được phần thông suốt, tinh vi.
 Mệnh mang sâu thẳm ứng dụng phải thì
 Mệnh mang như khung trời bao la vô hạn,
 Sâu thẳm như vực, muôn trùng sâu thẳm thẳm,
 Thấy bóng Ngài dân một dạ kính tôn,
 Nghe lời Ngài dân tin tưởng trọn niềm,
 Ngài hành động muôn dân đều hoan lạc.
 Nên thanh danh Ngài vang lừng Trung quốc,
 Vượt biên cương lan tới các nước ngoài,
 Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,
 Đâu có được trời che, và đất chở,
 Đâu còn có nhật nguyệt hai vàng tỏ mở,
 Đâu có móc động, đâu có sương rơi,
 Đâu còn có dòng máu nóng con người.
 Ở nơi đó, Ngài vẫn được tôn sùng quý báu,

Thế nên gọi là «CÙNG TRỜI PHỐI NGÃU». (Trung Dung, XXXI)

TỔNG LUẬN

Trên đây tôi đã dùng Tứ Thư, Ngũ Kinh phác họa lại con đường phản bản, hoàn nguyên. Tôi đã đi vào nhiều chi tiết, viện dẫn nhiều chương cú, để trình bày cho cặn kẽ các khía cạnh, các giai đoạn của con đường đó. Trong khi làm công việc đó, tôi sợ đã làm tản mạn tâm tư của quý vị. Để đền bù lại, tôi xin toát lược thực giản dị lập trường và chủ trương của Nho giáo về vấn đề Qui Nguyên Phản Bản như sau:

Muốn phản bản hoàn nguyên, phải nhận ra được rằng mình có Thiên tính, mình là dòng dõi Trời, là những vì thiên tử, những vì con của Thượng Đế luân lạc xuống cõi hồng trần này, cho nên phải phấn đấu để phục hồi nguyên vị cũ, trở lại quê hương cũ.

Thứ đến phải nhận định được rằng Trời hay Đạo chẳng có ở đâu xa, mà đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người. Như vậy liền biết được ngay là muốn tìm Đạo, tìm Trời phải trở về nơi tâm mà tìm kiếm.

Vì trong ta có Trời, có thiên tính, cho nên muốn trở về với Trời phải rũ bỏ phàm tâm, nhân tâm để mặc lấy Thiên tâm, Thiên tính.

Mà nhân tâm là những gì bất toàn, những gì qui ước, những gì nhân vi nhân tạo, những gì phản ánh lại hoàn cảnh lịch sử, địa dư, chủng tộc, phong hoá, tập quán bên ngoài.

Mà Thiên tính là những gì toàn hảo, chí công, chí chính, siêu không gian và thời gian, những gì thiên nhiên, thiên tạo.

Rũ bỏ nhân tâm, phàm tâm. Mặc lấy Thiên tâm tức là vượt lên trên những gì biến thiên, để đi vào vĩnh cửu, vượt lên trên sinh tử, để đi vào trường sinh, vượt lên trên những gì ti tiện, để trở về tinh hoa, cao đại, vượt lên trên khiếm khuyết, bất toàn, để thực hiện viên mãn, toàn hảo.

Có làm xong được công trình này mới mong hợp nhất được với Thượng Đế, Phối Thiên, Phối mệnh, Trung dung Trung Đạo, duy Nhất, duy Tinh.

Cách đây hơn hai mươi năm, trong khi soạn thảo Trung Dung, tôi đã đúc kết lại Tinh hoa đạo Nho bằng ít vần thơ lục bát. Những vần thơ ấy đồng thời cũng phác họa lại con đường Phản Bản Hoàn Nguyên của Nho giáo, nay xin đem cống hiến quý vị và cũng là để tổng kết lại đề tài thuyết trình hôm nay:

Luân lạc mãi tới bến bờ xa lắc,
 Trong đêm tăm, phiêu dạt biết về đâu,
 Lênh đênh sống trên trùng dương thời khắc,
 Chẳng buông neo, dừng lại được ngày sao?
 Biên khu luân lạc từ bao,
 Tìm sao cho thấy đường vào Trung Dung,
 Đường Trung Dung linh lung ẩn khuất,
 Nẻo Bồng Lai gai dấp, lau che,
 Bao giờ mới tỉnh giấc mê,
 Bao giờ tâm tư mới hướng về tinh vi?
 Bao giờ cái thế nguy mới hết,
 Biết bao giờ Nhân hiệp với Thiên?
 Bao giờ Thiên mệnh sáng lên,

Trời mây khắp chốn ấm êm, hiệp hoà
Gấm cho kỹ Tính là thiên mệnh,
Là tinh hoa, là chính đạo Trời,
Vùng trăng minh đứùc sáng ngời,
Mà mây nhân dục lấp vùi mất trăng.
Nhưng trăng sáng muôn năm vẫn sáng,
Mây dù che, chẳng phạm đến trăng,
Chín e trần thế tối tăm,
Con đường phiêu lãng muôn phần gian lao.
Trời cao cả lẽ nào chẳng sợ,
Trời chẳng xa, trời ở đáy lòng.
Cho nên nội kính, ngoại cung,
Mắt nhìn chẳng thấy, tưởng chừng kề bên,
Trời tuy thị vô biên, vô tận,
Nhưng mà trời vẫn lẫn trong tâm.
Thật là kỳ ảo khôn cùng,
Không hơi không tiếng vẫn lừng uy danh.
Khuôn phép Trời chí thành chí thiện,
Tiếng của Trời là tiếng lương tâm,
Mới hay trong chốn cát lằm,
Muôn ngàn đá sấn vô ngàn ngọc châu,
Mới hay giữa sông sâu, núi thẳm,
Vẫn có đường bằng phẳng thênh thênh,
Đường Trời rong ruổi mặc tình,
Không xiên, không vẹo, không vênh, không tà,
Đường Trời nọ bao la thẳng đặng,
Không quanh co, không vượn, không xiên,
Đường Trời phẳng lặng êm đềm,
Không hề tráo trở, đảo điên vạy vò,
Đường Trời nọ thẳng vo thẳng tắp,
Vút một lèo tới cực cao minh,
Đó là duy Nhất, duy Tinh,
Đó là Thái cực tinh thành xưa nay.
Cuộc phù thế chớ say danh lợi,
Bả lợi danh phát phới, hão huyền,

Chớ mê những cái đảo điên,
Mà quên mất cái vững bền ngàn thu,
Sông thế sự hãy ưa chèo ngược,
Chèo ngược dòng lên tuốt căn nguyên.
Căn nguyên là chính THANH THIÊN,
Vô biên vô tận triền miên không cùng.
Bỏ phù phiếm, tìm tông, tìm tích,
Dương cung thần ngắm đích Thân Tâm,
Bắn vào Trung điểm Tâm Thần,
Ấy là thoát cõi hồng trần làm than,
Như trăng sáng băng ngàn trần thế,
Rẽ Đẩu Ngưu, đượm vẻ thần tiên.
Ấy là tâm pháp thánh hiền,
Ấy là Trung Đạo tương truyền xưa nay.
Máy tạo hoá phơi bày trước mắt,
Lẽ huyền vi đâu bắt tăm hơi,
Mới hay muôn sự tại người,
Một lòng vàng đó Trời cũng thua.
Hãy học hỏi cho ra gốc ngọn,
Hãy cố công làm trọn mệnh Trời,
Tim kia lạc lõng tả tơi,
Thu về đừng để vãi rơi ngoài đường,
Tính Trời ấy khuôn vàng thước ngọc.
Phải chặt chiu bao bọc ngày đêm.
Tồn tâm dưỡng tính cho chuyên,
Tơ hào nhân dục, chớ hoen gương Trời.
Lòng băng tuyết thành thơi, thăng dăng,
Sống đơn sơ, kết bạn vô biên,
Rộng dày cùng đất sánh duyên,
Cao minh kết ngãi thanh thiên muôn nghìn.
Mỗi động tác phải nên gương mẫu,
Mỗi hành vi nên dấu nên khuôn,
Lời lời, ngọc nhả châu phun,
Lưu cho hậu thế muôn ngàn dài lâu.
Gẫm đạo lý có sau có trước,

Lẽ âm dương có ngược có xuôi.

Ngược là gió cuốn bụi đời

Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lằm

Có thử thách mới phân vàng đá,

Có lằm than mới rõ chuyện đời.

Khi xuôi, sấm chớp tới bởi,

Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm.

Trông tỏ đức chí nhân chí chính,

Biết mục tiêu sẽ định, sẽ an.

Rồi ra suy xét nguồn cơn,

Con đường Phối Mệnh chu toàn túc tở.

Vốn hoàn thiện quang hoa mọi nhẽ,

Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh,

Quang minh rồi mới tinh thành,

Ấy nhờ giáo hoá tập tành mà nên.

Đã hoàn thiên tất nhiên thông tuệ,

Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.

Việc gì tính trước cũng linh,

Không toan tính trước âu đành dở dang.

Lời xếp trước hoang mang khôn nhẽ,

Việc tính rồi, hồ dễ rối ren,

Hành vi đã sẵn chốt then,

Sẽ không vấp vướng, sẽ nên tinh thành.

Đạo làm người có rành duyên có,

Sẽ mệnh mang muôn thừa muôn đời.

Hoàn toàn là đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.

Người hoàn thiện cất tay là trúng,

Chẳng cần suy, cũng đúng chẳng sai,

Thung dung Trung Đạo tháng ngày,

Ấy là vị thánh từ ngay lọt lòng.

Còn những kẻ cố công nên thánh,

Gặp điều lành phải mạnh tay co,

Ra công học hỏi thăm dò,

Học cho yên bác, hỏi cho tận tường.

Đẩn đo suy nghĩ kỹ càng,

Biện minh thấu triệt, mới mang thi hành.

Đã định học chưa thành chưa bỏ,

Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.

Đã suy, suy hết khúc nôi,

Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy.

Biện luận mãi tới khi vỡ lẽ,

Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua,

Đã làm làm tới tinh hoa,

Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.

Người một chuyến thân toàn thắng lợi,

Ta tốn công dở dỏi trăm khoan,

Người làm mười bận đã thành,

Ta làm nghìn thứ ta ganh với người.

Đường lối ấy nếu ai theo được,

Dẫu u mê, sau trước sẽ thông.

Dẫu rằng mềm yếu như không,

Rồi ra cũng sẽ ra lòng sắt son.

Đạo quân tử như in lỗ thứ,

Muốn đi xa phải tự chỗ gần.

Đạo người như cuộc đặng san,

Muốn lên tới đỉnh, đầu đàng là chân.

Việc trời thực muôn phần huyền ảo,

Thực sâu xa, ẩn náo khôn cùng,

Cho hay đức nhẹ như lông,

Nhưng lông chưa thoát được vòng trọng khinh,

Đức Trời thực uy linh siêu việt,

Không tiếng tăm trác tuyệt vô cùng.

Cho người cái đạo Trung Dung,

THIÊN NHÂN NHẤT QUÁN, thần thông diệu huyền.

Khủng cụ rồi, phối thiên phối mệnh. [\[43\]](#)

Ấy đầu đuôi, động tĩnh phù trầm.

Nguyên lai, bản mặt, thiển thâm,

Hiển vi tụ tán, xa gần, ngược xuôi. [44]

Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,

Áo thô sơ che dịu gấm hoa.

Rời ra vàng ngọc chói loà,

Trời người định vị, Trung Hoà vô biên.



CHÚ THÍCH

- [1] Thủy chi tự trung thuận hành nhi sinh, chung nhi phục nghịch tàng, qui ư Trung Hoàng Thái Cực nhưng kiến phụ mẫu vị sinh chi tiền chi diện mục. 始之自中順行而生，終而復逆藏歸於中黃太極，仍見父母未生之前之面目。 – Văn đạo Tử, Giảng đạo tinh hoa lục, tr. 101.
- [2] Thái cực thủy vu Nhất nhi chung vu Nhất dã. Vạn vật thủy vu Nhất nhi chung vu Nhất, tức Trang tử xuất cơ, nhập cơ chi nghĩa. 太極始于一而終于一也。萬物始于一而終于一，即莊子出機入機之義。 Nguyễn Ấn Trường, Tạo hoá thông, tr. 52.
- [3] Nghịch nhi thành tiên, thuận khứ sinh nhân, sinh vật. 逆而成仙，順去生人，生物。(Đạo Nguyên tinh vi ca, q. hạ, tr. 9b). Xem Trung Dung Tân khảo của tác giả, tr. 251.
- [4] Đơn tự nhật đầu nguyệt cước, trung gian nhất hoạch hệ Nhật Nguyệt hợp nhất chi vị dã. Kỳ nội nhất điểm vi tinh khí hỗn hợp dĩ tượng nhất lập kim đơn hĩ. 丹字日頭月腳中間一劃係日月合一之謂也。其內一點為精氣混合以象一粒金丹矣。(Tu Chân bát tử phương, tr. 26).
- [5] Thái Hư thị viết: Đơn đạo, thánh công bất ngoại hoàn phản. 太虛氏曰：丹道聖功不外還返。(Thượng Phẩm đơn pháp tiết yếu, tr. 7).

- [6] Ân Thương chi lữ, kỳ hội như lâm, thi vu Mục Dã, duy dư hầu hâm, Thượng đế lâm nữ, vô nhị nhĩ tâm. 殷商之旅, 其會如林, 矢于牧野, 維予侯興. 上帝臨女, 無貳爾心. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh, thất chương. (James Legge, The She King, tr. 435)
- [7] Mục dã dương dương, Đàn xa hoàng hoàng, Tứ nguyên bành bành, Duy sự Thượng phụ, Thời duy ường dương, Lượng bỉ Võ Vương, Tứ phạt Đại Thương, Hội triêu thanh minh. 牧野洋洋, 檀車煌煌, 駟驪彭彭. 維師尚父, 時維鷹揚, 涼彼武王, 肆伐大商, 會朝清明. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh, bát chương. (James Legge, the She king, p. 436)
- [8] Minh minh tại hạ, hách hách tại thượng. 明明在下, 赫赫在上. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh nhất chương. (James Legge, the She King, p. 432)
- [9] Bất hiển diệc lâm, vô dịch diệc bảo. 不顯亦臨, 無射亦保. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Tư Trai, tam chương. (James Legge, the She King, p. 447)
- [10] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, Vạn bang tác phu. 上天之載, 無聲無臭. 儀刑文王, 萬邦作孚. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Văn vương, thất chương, (James Legge, The She King, p. 431)
- [11] Duy thử Văn Vương, Tiểu tâm dực dực, Chiêu sự Thượng Đế, Duật hoài đa phúc, quyết đức bất hồi. 維此文王, 小心翼翼. 昭事上帝, 聿懷多福. 厥德不回, 以受方國. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại Minh, tam chương, (James Legge, p. 433)
- [12] Vô niệm nhĩ tổ, Duật tu quyết đức, Vĩnh ngôn phối mệnh, Tự cầu đa phúc, Ân chi vị táng sự, khắc phối Thượng Đế, Tuấn mệnh bất dị. 無念爾祖, 聿脩厥德. 永言配命, 自求多福. 殷之未喪師, 克配上帝. 宜鑒于殷, 駿命不易 (James Legge, p. 431)
- Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Văn vương, lục chương.
- [13] Mệnh chi bất dị, Vô át nhĩ cung, Tuyên chiêu nghĩa vấn... 命之不易, 無邊爾躬. 宣昭義問. Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Văn vương, thất chương. (James Legge, the She King, p. 431)
- [14] Thiên chi dĩ dân, Như huân như trì, Như chương như Khuê, Như thủ như huê, Huê vô viết ích, Dĩ dân khổng dịch. 天之牖民, 如壘如篴. 如璋如圭, 如取如攜. 攜無日益, 牖民孔易. 民之多辟, 無自立辟. Kinh Thi, Đại Nhã, Sinh Dân, thập chương, Bản, lục chương. (James Legge, tr. 502)
- [15] Lễ Ký, Lễ Vận, chương VII, tiết IV, mục 5, 6, 7.
Nguyễn văn Thọ, Chân Dung Khổng tử, chương XI.
Couvreur, Liki I, Introduction, p. IX.
Nho Giáo, Trần Trọng Kim, quyển I, tr. 147 và tiếp theo.
Lễ Ký, Lễ Vận, 7.
Couvreur Liki I, tr. 527, 528 chú thích.
Lễ Ký, Lễ Vận tr. 4.
- [16] Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri thiên. Trung Dung chương XX.

Tôi đã dịch thoát câu nàu như sau:

Biết người, trước phải biết Trời,
Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?

[17] Hai chữ Cách vật của sách Đại học đã là một đề tài tranh luận của Nho Gia từ trước đến nay.

Ta cũng đã biết có 2 quan niệm khác nhau về vấn đề này: Một là của Chu Hi, hai là của Vương Dương Minh. Riêng tôi, tôi giải Cách Vật là tìm ra Cốt Cách muôn loài, muôn vật, tìm cho ra Khuôn Trời trong muôn loài, muôn vật. Trong bài Tự Tình Khúc của Cao Bá Nhạ có câu: «Bình dẫu phá còn lề cốt cách, Gương dù tan vẫn sạch trần ai.» Chữ Hán cũng có câu: «Bình phong tuy phá, cốt cách do tồn, Quân tử tuy bần, lễ nghĩa thường tại.» 屏風雖破骨格猶存君子雖貧禮儀常在 .

[18] Tôi dịch Cách là Khuôn Trời (ở nơi muôn vật) vì hiểu Cách là Cốt cách. Trung Dung cũng cho rằng trời dựng nên muôn loài chỉ có một khuôn: «Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn dĩ tận dã, kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc.» 天地之道, 可一言而盡也, 其為物不貳, 則其生物不測 (Trung Dung, chương 26.)

[19] Khắc kỷ phục lễ... Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. 克己復禮 [...] 非禮勿視非禮勿聽非禮勿言非禮勿動. (Luận Ngữ XII, 1)

[20] Khắc kỷ phục lễ... Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. 克己復禮 [...] 非禮勿視非禮勿聽非禮勿言非禮勿動. (Luận Ngữ XII, 1)

[21] Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành; lạc mạc đại yên. 萬物皆備於我矣. 反身而誠樂莫大焉. (Mạnh Tử, Tận Tâm Chương cú thượng, 4).

[22] Mạnh tử viết: Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ Tính tắc tri Thiên hĩ. 孟子曰: 盡其心者, 知其性也. 知其性, 則知天矣. (Mạnh tử, Tận tâm chương cú thượng, 1).

[23] Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự Thiên dã. 存其心, 養其性, 所以事天也. (Mạnh Tử, Tận Tâm chương cú thượng, 1).

[24] Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; Tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; Từ nhượng chi tâm, Lễ chi đoan dã; Thị phi chi tâm, trí chi đoan dã... Nhân chi hữu thị tứ đoan, do kỳ tứ thể dã. 惻隱之心, 仁之端也; 羞惡之心, 義之端也; 辭讓之心, 禮之端也; 是非之心, 智之端也. 人之有是四端也猶其有四體也 (Mạnh Tử, Công tôn Sửu, chương cú thượng, 6)

... Chu Hi bình giải về chữ Tính của Mạnh tử như sau: «... Tính là Bản thể của Thái Cực, khó dùng lời lẽ mà mô tả được. Tuy Tính hàm súc vạn lý nhưng đại khái có 4 cương lĩnh lớn là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.» (Dịch theo Tống Nguyên Học Án, q. 48, tr. 19 – Hối Ông học án.)

[25] Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hoả chi thuỷ nhiên, tuyền nhi thuỷ đạt. Cầu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cầu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu. 凡有四端於我者, 知皆擴而充之矣. 若火之始然, 泉之始達. 苟能充之, 足以保四海; 苟不充之, 不足以事父母. Mạnh tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, 6

Chu Hi bình: «Nên, theo Mạnh Tử, thì căn cứ vào nhân tình, ta có thể suy ra điều thiện – thiện đây là tính thiện – ý nói đi ngược dòng tình cảm, sẽ hay biết Tính vậy.» (Dịch theo Tống Nguyên Học Án, q. 48, tr. 19 – Hối Ông học án)

[26] Cố quân tử tôn đức tính, nhi đạo vấn học, trí quảng đại nhi tận tinh vi, cực cao minh nhi đạo Trung Dung. 故君子尊德性而道問學, 致廣大而盡精微, 極高明而道中庸. Trung Dung XXVII.

- [27] Cực cao minh nhi đạo Trung Dung. 極高明而道中庸. Trung Dung XXVII.
- [28] Cố viết Phối Thiên. 故曰配天. Trung Dung XXXI.
- [29] «Ô moines, il y a un état non-né, non- devenu, non-conditionné, non-composé. S'il n'y avait pas un tel état qui soit non-né, non-devenu, non-conditionné, non-composé, il n'y aurait aucune évasion possible pour ce qui est né, ce qui est devenu, ce qui est conditionné. Puisqu'il y a un tel état, il y a une évasion possible de ce qui est né, de ce qui est devenu, de ce qui est conditionné, et de ce qui est composé. » – Présence du Bouddhisme, p. 268- Udanâ, p. 129, Colombo, 1929.
- [30] «Nous devons donc trouver, quelque part, un centre d'où partent pour ainsi dire tous les autres plans de l'existence. Une fois là, nous devons essayer de trouver une solution. Voilà le programme. Où est ce centre? Il est en dedans de nous. Les anciens sages ont cherché de plus en plus profondément jusqu'à ce qu'ils aient trouvé qu'au coeur le plus intime de l'âme humaine est le centre de l'univers tout entier. Tous les plans gravitent vers ce seul point; il est leur terrain commun et c'est seulement en nous placant là que nous pourrions trouver une solution commune... » – Vivekananda, Jnana Yoga, p. 138.
- [31] Xem Văn Đạo Tử, Giảng đạo tinh hoa lục, tr. 36b.
- [32] La découverte du Centre du Soi, qui coïncide avec Brahman, et qui correspond au centre de l'espace et au centre du temps, ces deux centres qui permettent au sacrificiant d'échapper à l'espace et au temps, est la grande découverte des Brahmanes, celle qui mène à l'orée de l'Upanishad. – Lilian Silburn, L'Instant et Cause, p. 103.
- [33] Sở vị Phật tính, tự thị Thiên Tính. Dĩ tự thị Nhu Gia sở vị Thiên Mệnh, sở vị Đạo Liêu. Nan quái Khổng tử viết: Triêu văn Đạo, tịch tử khả hĩ. 所謂佛性, 就是天性. 也就是儒家所謂天命, 所謂道了. 難怪孔子曰: 朝聞道, 夕死可矣. – Lịch đại Cao Tăng cổ sự, q. 7, tr. 30.
- [34] Dieu, dit l'Écriture, est la vie de l'homme. Ipse est vita tua. (Deutéronome, XXX, 20. Texte de la Vulgate cité par St Thomas D'Aquin, Summa Theologica, Ia- IIae, q. 110 a. I, obj. 2) et Saint Augustin a souvent affirmé que Dieu est la vie de l'âme, comme l'âme elle-même est la vie du corps. Il est donc la vie de notre vie. (Saint Augustin, Confessions, VII, 1, 2 et X, 6, 10). Cf. Émile Gilson, Théologie et Histoire de la Spiritualité, Paris, Librairie philosophique, J. Vrin. 1943, p. 10.
- [35] Il y a un Infini en nous. – Florilège de la pensée théosophique moderne, Lotus Bleu, 72 Année, no II, Novembre 1967, p. 293.
- [36] L'illumination spirituelle révèle l'Élément unique qui est dans l'esprit et dans le coeur de tout être humain. – Florilège de la pensée théosophique moderne, Lotus Bleu, 72 Année, Aout- Septembre 1967, p. 235.
- [37] Notre temps a besoin de reconnaître en tout homme une étincelle divine, et des possibilités infinies. (Ibidem, p. 235).
- [38] Pour la Religion Dieu et l'Homme, la Qualité et la Forme étaient séparées, elle enseigne maintenant qu'ils sont un. – Lotus Bleu, 72e Année, Décembre, 1967, p. 326.
- [39] Seul l'inconnaissable et incognoscible Karana, La Cause sans Cause de toutes les Causes, devrait

avoir son sanctuaire et son autel sur le terrain sacré et solitaire de notre coeur - invisible, insaisissable, indistinct, sauf par la 'petite voix silencieuse' de notre conscience spirituelle. Ceux qui l'adorent devraient le faire dans le silence de la solitude sanctifiée de leurs âmes. – Lotus Bleu, Janvier 78, p. 17.

[40] «L'Atman, le Soi... montrait toute sa puissance à celui qui était capable de reconnaître la 'petite voix silencieuse'. Depuis les jours de l'homme primitif... jusqu'à notre âge moderne, il n'y a pas eu un philosophe digne de ce nom qui n'ait pas porté dans le sanctuaire silencieux de son coeur, la grande mystérieuse vérité. Si c'était un Initié, il l'apprenait comme une science sacrée.» Doctrine Secrète, vol. 5, p. 67. Lotus Bleu, 75e Année, No I, p. 18.

[41] Il est une lumière qui brille au delà de toutes les terres, sur terre au-delà de nous tous, au-delà des cieux vraiment les plus hauts. C'est une lumière qui brille dans nos coeurs. Il y a un pont entre le temps et l'éternité et ce pont est l'Esprit dans l'homme. ni le jour ni la nuit ne traversent ce pont; ni la vieillesse, ni la mort, ni le chagrin... Quand on a trouvé ce pont, les yeux de l'avenir peuvent voir, les blessures du blessé guérissent, et le malade guérit de sa maladie. Pour celui qui franchit ce pont, la nuit devient comme le jour, parce que dans le monde de l'Esprit, il y a une lumière que est éternelle. (Lotus Bleu, 72e Année, 4 Avril. 1967, p. 115).

[42] On trouve Dieu dans sa création... Dans le coeur même de l'homme, on peut trouver la vie divine. En religion, cette découverte est aussi révolutionnaire que la découverte atomique. Elle place dans la main de l'homme un pouvoir spirituelle sans limite, comme l'énergie atomique lui a donné un prodigieux pouvoir physique. (Lotus Bleu, 72e Année, Déc. 1967, p. 327.)

[43] Trước thời kính sợ Trời tiềm ẩn đầy lòng. Sau trở nên hoàn thiện phối hợp với Trời. Thế là đầu đuôi của công cuộc tu trì.

[44] Đặt Trời vào Tâm Điểm con người, sẽ hiểu rõ lẽ:

Động (người) – Tĩnh (Trời)

Phù (nổi: người) – Trầm (chìm: Trời).

Nguyên (nguồn gốc: Trời) – Lai (phóng xuất ra: người)

Bản (gốc: Trời) – Mạt (ngọn: người).

Thiển (nông: người) – Thâm (sâu: Trời).

Hiển (hiển lộ: người) – Vi (vi ẩn: Trời).

Tụ (tụ lại: về với Trời) – Tán (tán ra, lìa xa: Trời). v. v...